

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI HÒA

BÁO CÁO

CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THU – CHI TÀI CHÍNH
THEO HƯỚNG DẪN THÔNG TƯ SỐ 36/TT-BGDĐT

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
NĂM HỌC 2020-2021

Hải Hòa, tháng 9 năm 2021

PHÒNG GD-ĐT HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI HÒA
Số: 07/BC-THCSHH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Hòa, ngày 29 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU CHI TÀI CHÍNH THEO HƯỚNG DẪN THÔNG TƯ SỐ 36/TT-BGDĐT

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Năm học: 2020-2021

I. Đặc điểm tình hình của địa phương và nhà trường.

Xã Hải Hòa nằm ở phía Đông Nam huyện Hải Hậu với diện tích tự nhiên là 877,36 ha, dân số 9.773 người, 2.860 hộ. Phía Bắc giáp xã Hải Cường; Phía Nam giáp Vịnh Bắc Bộ; Phía Đông giáp xã Hải Triều và xã Hải Xuân; Phía Tây giáp xã Hải Châu và Thị trấn Thịnh Long. Tỷ lệ đồng bào theo đạo thiên chúa giáo chiếm hơn 70%. Nhân dân chủ yếu sống bằng nghề nông, làm muối, làm cây cảnh và đánh bắt hải sản. Thu nhập của người dân ở mức trung bình.

Hiện nay quê hương Hải Hòa đã có nhiều thay đổi, xã đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2020, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao.

Trường THCS Hải Hoà nằm trên địa bàn xóm Xuân Đài Tây – xã Hải Hòa. Trường được thành lập từ năm 1967, tiền thân là trường cấp 2 Hải Hoà. Ngay từ những ngày đầu thành lập, mặc dù gặp không ít khó khăn nhưng được sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư của Sở GD&ĐT Nam Định, UBND huyện, Phòng GD&ĐT huyện Hải Hậu, Đảng uỷ, chính quyền địa phương, sự phối kết hợp chặt chẽ của các ban ngành đoàn thể, sự ủng hộ nhiệt tình của CMHS, cùng với quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng, các thế hệ thầy, trò nhà trường đã vượt qua khó khăn, từng bước lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng.

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, phong trào giáo dục toàn diện của nhà trường không ngừng nâng cao: chất lượng giáo dục đại trà, kết quả bồi dưỡng

học sinh giỏi có sự chuyển biến. Kết quả thi vào THPT ngày càng khẳng định, tỉ lệ học sinh đỗ vào các loại hình THPT và giáo dục thường xuyên luôn đạt từ 60% trở lên. Nhà trường đã dần tạo được sự tin tưởng với các cấp lãnh đạo với nhân dân trong xã. Trong những năm qua, trường THCS Hải Hoà luôn đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến”.

Nhà trường đã phấn đấu tích cực xây dựng trường chuẩn Quốc gia, tháng 8/2020 đã được UBND tỉnh, Sở giáo dục đào tạo tỉnh Nam Định ra Quyết định công nhận trường THCS Hải Hoà đạt : Chuẩn Quốc gia, chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn, chuẩn KĐCLGD, chuẩn Thư viện Tiên tiến.

II. Công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên biệt

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.

a. Cam kết chất lượng giáo dục

Nhà trường tổ chức tuyển sinh với những học sinh trong độ tuổi. Trong năm học thực hiện đúng, đủ chương trình của Bộ giáo dục và đào tạo. Dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình GDPT. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình - xã hội làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường. Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường, nội quy về sử dụng phòng học bộ môn. Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9.

Giáo dục cho học sinh có nhận thức đúng đắn về cái đẹp, cái xấu trong xã hội. Từ đó có ý thức thường xuyên phấn đấu tu dưỡng đạo đức và giúp đỡ bạn cùng tiến bộ. 100% học sinh có nếp sống văn minh trong giao tiếp, không có học sinh mắc vào các tệ nạn xã hội, không vi phạm pháp luật. Giáo dục học sinh thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy và thực hiện tốt chủ đề năm học, dự kiến trong năm học 2021-2022 tỉ lệ

+ Hạnh kiểm: Trên 80% Tốt, Khá đạt từ 14% trở lên, TB nhỏ hơn 7%

+ Học lực: Giỏi 25% trở lên, Khá 45% trở lên, TB nhỏ hơn 25%, yếu kém nhỏ hơn 3%.

b. Chất lượng giáo dục thực tế

Kết quả năm học 2020-2021 sau khi kiểm tra lại:

+ Học lực:

Tổng số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
522	46	8.81%	227	43.49%	234	44.83%	7	1.34%	8	1.53%

+ Hạnh kiểm:

Tổng số	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
522	357	68.39%	129	24.71%	36	6.90%	0	0.00%

Toàn trường có 46 em đạt danh hiệu là học sinh Giỏi chiếm 8.81%.

Tỉ lệ học sinh lên lớp lần 1 ở các khối 6,7,8 đạt 89.85%.

Số học sinh kiểm tra lại là 51 em = 9.77 %, số HS ở lại lớp là 2 em = 0.38%.

Số HS lớp 9 là 114 học sinh, số học sinh được xét công nhận tốt nghiệp là 114 HS = 100%. Trong đó giỏi 14 em = 12.28%, loại Khá 48 em = 42.11%, Trung bình 52 em = 45.61%. Số học sinh tốt nghiệp THCS tham gia ôn thi vào lớp 10 là 87 em = 76.3% trong đó đỗ vào THPT là 70 em = 61.4% tổng số HS được công nhận Tốt nghiệp.

c. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

Nhà trường đã phấn đấu tích cực xây dựng trường chuẩn Quốc gia, tháng 8/2020 đã được UBND tỉnh, Sở giáo dục đào tạo tỉnh Nam Định ra Quyết định công nhận trường THCS Hải Hòa đạt : Chuẩn Quốc gia, chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn, chuẩn KĐCLGD, chuẩn Thư viện Tiên tiến,

Đến nay các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia được giữ vững.

d. Kiểm định cơ sở giáo dục

Hàng năm, kết thúc năm học trường đều tự đánh giá Kiểm định chất lượng giáo

dục. Trong năm học 2019-2020 trường được Sở giáo dục và đào tạo Nam Định công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a. Cơ sở vật chất

Trường THCS Hải Hòa đã được địa phương xây mới khu nhà ba tầng với 9 phòng học và đưa vào sử dụng từ tháng 11/2020, với tổng số tiền gần một tỉ đồng.

Thiết bị dạy học còn thiếu.

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên có 32 người. Trong đó có 4 giáo viên và 2 nhân viên hợp đồng. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có trách nhiệm. Hội đồng sư phạm nhà trường đoàn kết.

- Trình độ đội ngũ giáo viên của trường đạt chuẩn và trên chuẩn.

3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện các văn bản và công văn hướng dẫn các khoản trong các trường học năm học 2020-2021:

- Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

- Căn cứ Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Nam Định về quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do tỉnh Nam Định quản lý từ năm học 2018-2019 đến năm 2020-2021;

- Căn cứ công văn số 472/UBND-GDDT ngày 04/9/2020 của UBND huyện Hải Hậu về việc thực hiện các khoản thu, chi trong các trường năm học 2020-2021;

- Căn cứ QĐ số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Căn cứ CV số 818/HDLN-GDDT-BHXXH ngày 04/7/2016 của Sở GD&ĐT – BHXXH tỉnh Nam Định hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên kể từ

năm học 2016-2017. Thực hiện công tác thu, chi theo đúng quy định của Bảo hiểm y tế;

- Thực hiện Văn bản số 311/UBND-VP7 ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc thu học phí và các khoản đóng góp đối với cơ sở giáo dục công lập năm học 2020-2021;

- Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Thực hiện Hướng dẫn số 1243/SGDĐT-KHTC ngày 28/8/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc thực hiện quản lý thu, chi học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do tỉnh quản lý năm học 2020-2021;

Trường THCS Hải Hoà thực hiện các khoản thu - chi trong năm học 2020 - 2021 theo đúng các văn bản quy định;

Cụ thể nội dung các khoản thu như sau:

S TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Định mức	Lý do thu
1	Học phí	Đồng	70.000đồng/HS/tháng (Thu 9 tháng/năm học)	-Căn cứ Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Nam Định
II	Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường			
1	Tiền nước uống cho học sinh.	Đồng	8.000đồng/HS/tháng (Thu từ T9/2020 đến T4/2021; và T5/2021 thu 1/3 tháng)	-Theo thoả thuận. -Căn cứ công văn số 472/UBND-GDĐT ngày 04/9/2020 của UBND huyện Hải Hậu.
2	Tiền trông giữ xe đạp.	Đồng	10.000đồng/HS/tháng (Thu 9 tháng/năm học)	-Theo thoả thuận. -Căn cứ QĐ số 01/2017/QĐ-UBND tỉnh Nam Định ngày 03/01/2017
3	Học thêm các môn văn hoá.	Đồng	10.000 đồng/HS/buổi (Thu theo số buổi học thực tế)	-QĐ số 22/2018/QĐ-UBND tỉnh Nam định ngày 14/9/2018
4	BHYT học sinh	Đồng	46.935đồng/HS/tháng (Thu theo số tháng thực tế sử dụng thẻ)	-CV số 818/HDLN-GDĐT-BHXH ngày 04/7/2016 của sở GD&ĐT – BHXH

				tỉnh Nam định; CV số 56/CV –BHXH hướng dẫn thu BHYT HS năm học 2020-2021
5	Kế hoạch nhỏ (Đội)		Thu gom phế liệu ủng hộ phong trào KHN từ 2kg (trị giá phế liệu đạt tối thiểu là 10.000đ/hs)	-Căn cứ công văn số 70/KHLN/HĐTN-PGD&ĐT ngày 06/01/2020
6	Sổ liên lạc điện tử	Đồng	70.000 đồng/HS/năm học	-Liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh -Căn cứ công văn số 1464/HD-SGDĐT ngày 18/11/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định
7	Vận động tài trợ		Không quy định mức tài trợ	-Vận động tài trợ theo TT16/2018/TT-BGD ngày 03/8/2018. -Thực hiện các nội dung: Đóng mới bàn ghế học sinh, Làm lán xe giáo viên, Quét vôi tường bảo vệ xung quanh trường, Đồ bê tông nền lán xe giáo viên, Mua bảng biểu các loại,...

HIỆU TRƯỞNG



Trần Xuân Hưởng

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
 Năm học: 2020-2021**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	143 học sinh Xét tuyển HS đã HTCTTH, trong độ tuổi trong độ tuổi.	133 học sinh HS100% HS trong độ tuổi ra lớp	126 học sinh HS100% HS trong độ tuổi ra lớp	134 học sinh HS100% HS trong độ tuổi ra lớp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình học 35 tuần - Dạy tự chọn - Dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình GDPT			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội làm công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường, nội quy về sử dụng phòng học bộ môn.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động ngoài giờ lên lớp - Tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường: sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn thiên nhiên.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	• Về hạnh kiểm: Tốt: 80% trở lên Khá: 14% trở lên TB: 6% trở xuống • Sức khỏe: Tốt: 80% Khá: 20% * Học lực Giỏi: 25% Khá: 45% TB: 25% trở xuống Yếu: 3% trở xuống Kém: 0.5% trở xuống			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% học sinh có đủ khả năng để tiếp tục học tập			

Hải Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Trần Xuân Hương

Biểu mẫu 10

PHÒNG GD&ĐT HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI HÒA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	522	140	129	139	114
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	357	88	99	87	83
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	129	34	27	37	31
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	36	18	3	15	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	522	140	129	139	114
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	46	10	12	10	14
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	227	64	59	56	48
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	234	58	55	69	52
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	7	2	1	4	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	8	6	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	522	140	129	139	114
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	97.13	94.28	97.67	97.12	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	8.81	7.14	9.3	7.19	12.28
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	43.49	45.71	45.74	40.29	42.11
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	9.77	16.43	9.3	11.5	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2.87	5.71	2.14	2.88	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	3.64	0	0.77	1.44	14.03
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	10	0	3	1	6

1	Cấp huyện	10	0	3	1	6
2	Cấp tỉnh/thành phố	1	0	0	0	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	114				114
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	114				114
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					12.28
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					42.11
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					45.61
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	273/522	74/140	62/129	70/139	67/114
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Hải Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Xuân Hưởng

Biểu mẫu 11
PHÒNG GD&ĐT HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI HÒA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	16	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học		1.33
8	Bình quân học sinh/lớp		44.7
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8.263	15.4
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.198	7.8
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	576	1.07
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	192	
3	Diện tích thư viện (m ²)	48	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	96	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	12	
1.1	Khối lớp 6	3	
1.2	Khối lớp 7	3	
1.3	Khối lớp 8	3	
1.4	Khối lớp 9	3	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	4	
2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
2.4	Khối lớp 9	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	600	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	27	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	1	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Thiết bị khác: Đài đĩa CD học tiếng Anh	6	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	6	0	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	2	0	0.08

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hải Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)


Trần Xuân Hưởng

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học: 2020-2021

[illegible]

[illegible]

Hải Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Xuân Hưởng